

# QUYỀN CON NGƯỜI: GIÁ TRỊ XÃ HỘI, TÍNH PHỔ BIẾN VÀ TÍNH ĐẶC THÙ

Võ Khánh Vinh\*

Quyền con người là hướng nghiên cứu mang tính tổng hợp, vừa mang tính cơ bản, vừa mang tính cấp bách, thời sự, vừa có ý nghĩa tư tưởng, lý luận và thực tiễn rất quan trọng. Hướng nghiên cứu này bao gồm những vấn đề lịch sử, lý luận và những vấn đề thực tiễn ở những cấp độ khác nhau: thế giới, khu vực và từng quốc gia. Trong những vấn đề nghiên cứu nói trên về quyền con người có vấn đề về giá trị xã hội, tính phổ biến và tính đặc thù của nó. Bài viết này bước đầu tìm hiểu giá trị xã hội, tính phổ biến, tính đặc thù và mối quan hệ giữa tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người.

## 1. Giá trị xã hội của quyền con người

### 1.1. Phát triển xã hội và giá trị xã hội

Trong quá trình phát triển, xã hội loài người nói chung, mỗi xã hội gắn liền với từng quốc gia - dân tộc nói riêng sáng tạo ra cho mình những hệ giá trị nhất định. Những hệ giá trị đó ngày càng được bổ sung, phát triển và thể hiện với tư cách là những kết quả của sự phát triển xã hội ở các cấp độ khác nhau. Điều đó có nghĩa rằng phát triển là quá trình giải phóng rồi khai thác năng lực của xã hội, của con người để chuyển hóa thành những ý tưởng, hoạt động và từ đó tạo ra những kết quả và trong số những kết quả đó có những kết quả trở thành những giá trị xã hội. Những giá trị này là kết quả chung cuộc của quá trình phát triển xã hội đã kết thúc đồng thời lại là nhân tố, trụ cột quyết định nhiều hướng của tiến trình phát triển xã hội tiếp theo. Trong số các giá trị xã hội do quá trình phát triển xã hội sáng tạo ra có giá trị quyền con người. Do đó, người ta coi các giá trị xã hội đã được tạo ra tạo thành nền tảng trên đó diễn ra toàn bộ sự phát triển xã hội.

### 1.2. Quyền con người là một trong những giá trị xã hội tổng hợp

Lịch sử tư tưởng về quyền con người, lịch sử hình thành và phát triển của quyền con người, lý luận về quyền con người, hiện thực quyền con người ở các nước trên thế giới, ở từng khu vực, ở từng quốc gia và việc nghiên cứu về quyền con người cho thấy quyền con người là một trong những thành tựu phát triển của xã hội loài người, là một giá trị trong “hệ các giá trị” của nhân loại, của toàn cầu. Đây là “*giá trị tổng hợp*” bao gồm các giá trị nền tảng là: nhân phẩm - tự do - bình đẳng - nhân đạo - khoan dung - đạo đức và trách nhiệm. Đây là những giá trị vốn có ở tất cả mọi nền văn hóa không phân biệt hệ tư tưởng, chế độ xã hội cũng như trình độ phát triển. Giá trị tổng hợp này cùng với các giá trị tổng hợp khác như: “kinh tế thị trường”, “Nhà nước pháp quyền”, “xã hội dân sự” tạo nên những hệ giá trị với tư cách là những trụ cột chính, cơ bản cho sự phát triển ổn định, bền vững của một đất nước, của một dân tộc, của một xã hội, của toàn thế giới. Đó là những chuỗi, những hệ giá trị tồn tại không thể thiếu nhau. Quyền con người, bảo đảm, thúc đẩy, thực hiện và bảo vệ quyền con người, xét ở một phương diện nhất định là mục tiêu hướng đến của phát triển kinh tế thị trường, của phát triển Nhà nước pháp quyền, của phát triển xã hội dân sự. Ngược lại, kinh tế thị trường, Nhà nước pháp quyền, xã hội dân sự là những lĩnh vực, bộ phận cấu thành xã hội mà ở đó quyền con người được hình thành, được ghi nhận, được bảo đảm, được thúc đẩy, được thực hiện và được bảo vệ.

Vấn đề mang tính nguyên tắc, cơ bản lâu dài đặt ra là phải nhận thức được một cách sâu sắc, toàn diện giá trị xã hội tổng hợp - quyền con người và có những giải pháp làm

\* GS.TS. Luật học, Phó Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

sao để bổ sung, phát triển, phát huy được một cách có hiệu quả nhất giá trị đó cho sự phát triển con người, trong đó có phát triển quyền con người, cho sự phát triển xã hội.

**1.3. Quyền con người là một giá trị hiện thực**

Quyền con người không chỉ là giá trị trừu tượng như tự do, bình đẳng, an ninh. Quyền con người còn là và cơ bản là một giá trị hiện thực. Quyền con người vừa là một tư tưởng trừu tượng vừa là một thực tiễn hiện thực để thực hiện tư tưởng đó. Tính hiện thực của giá trị đó thể hiện ở chỗ quyền con người là các quyền, các quy tắc xã hội cụ thể hiện thực hóa giá trị đó, là trạng thái thực tế các quyền, các quy tắc xã hội đã được thực hiện, tức là hiện thực các quyền, các quy tắc xã hội cụ thể trong đời sống xã hội, là cơ chế hiện thực, cụ thể thúc đẩy việc hiện thực hóa giá trị đó ở phương tiện trừu tượng. Do vậy, không được coi quyền con người chỉ là những giá trị, mong ước hay nguyện vọng về quyền hay về sự thụ hưởng của đối tượng của quyền.

**2. Tính phổ biến của quyền con người**

Quyền con người, xét trên mọi phương diện là một giá trị phổ biến. Tính phổ biến của quyền con người thể hiện ở các đặc điểm sau đây:

**2.1. Tính tất yếu lịch sử, khách quan của quyền con người**

Quyền con người, xét trên tất cả các phương diện của nó ra đời như một tất yếu lịch sử, mang tính khách quan. *Tính tất yếu lịch sử* của quyền con người xuất phát từ tính tất yếu lịch sử của xã hội loài người; từ nguồn gốc, quá trình vận động, phát triển và tính tương 'ai của nó; từ logic phát triển lịch sử của con người, của xã hội; từ logic của mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội. Quyền con người là thành quả phát triển lâu dài mang tính lịch sử phổ biến của lịch sử xã hội loài người, là một trong những giá trị tinh thần quý báu nhất, cao cả nhất của nền văn minh nhân loại trong thời đại ngày nay. *Tính khách quan* của quyền con người thể hiện ở chỗ quyền con người xuất phát, đáp ứng và thúc đẩy các nhu

*cầu khách quan* của con người, của phát triển con người và của xã hội, của phát triển xã hội. Các nhu cầu khách quan của con người tạo ra quyền con người. Một nhu cầu cơ bản của con người, về logic, sẽ tạo ra một quyền.

**2.2. Tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người**

Tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người thể hiện dưới dạng khái quát nhất ở "*bản chất con người*" - cái làm cơ sở để tạo nên tính cộng đồng cao nhất của quyền con người. Bản chất con người (bản chất người) là thứ mà vượt lên trên nó thì chúng ta không thể phát triển được. Tiếp đến, tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người, phản ánh "*đặc tính người*" của con người - đặc tính chỉ có ở cộng đồng người, là đặc tính liên kết tất cả mọi người thành cộng đồng người và đặc tính này đòi hỏi phải có quyền con người cho mỗi người, mọi người, cộng đồng người và cộng đồng nhân loại. Tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người được thể hiện ở tính cộng đồng của xã hội loài người từ khi được sinh ra cho đến khi còn tồn tại. Quyền con người định hình nên xã hội loài người như một cộng đồng lớn nhất, cao nhất trong thế giới và vì thế định hình nên con người và hiện thực hóa những đặc điểm của bản chất con người. Chính tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người đã trở thành cơ sở để coi con người, quyền con người là giá trị cao nhất trong xã hội. Tính cộng đồng người, cộng đồng nhân loại của quyền con người phản ánh *tính đạo đức, bản chất đạo đức* của con người. Quyền con người thể hiện, phản ánh tính cộng đồng đạo đức của con người. Quyền con người phản ánh nhu cầu, lợi ích cộng đồng người, cộng đồng nhân loại. Quyền con người là biểu tượng phân biệt của loài người, cũng là dấu hiệu cụ thể có thể được sử dụng để xác định tính cộng đồng người, tính cộng đồng nhân loại của chúng ta.

**2.3. Đặc điểm bình đẳng của quyền con người**

Quyền con người là *các quyền bình đẳng*: mỗi cá thể cũng có thể là con người hoặc không phải con người, và vì vậy có các quyền con người tương tự như mọi người khác (hoặc chẳng có bất cứ quyền gì). Tính bình đẳng của quyền con người thể hiện tập trung nhất ở chỗ mọi cá nhân cần được thừa nhận giá trị con người một cách bình đẳng và bởi vậy, xứng đáng được tôn trọng như nhau, bất kể có những khác biệt về tính cách và hoàn cảnh cá nhân. Nói cách khác, mỗi người và mọi người đều có quyền con người - những quyền mà mỗi người và mọi người có "đơn giản là với tư cách một con người". Tính bình đẳng của quyền con người còn thể hiện ở chỗ mọi người đều bình đẳng về mọi quyền con người được pháp luật quy định trong những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, mọi người đều bình đẳng trong cơ hội thực hiện các quyền con người và đòi hỏi thực hiện các quyền con người, mọi người đều bình đẳng khi bảo vệ các quyền con người bị xâm phạm, mọi người vi phạm quyền con người đều phải bị xử lý. Quyền con người luôn luôn đề cao phẩm giá cá nhân của con người, và vì vậy có thể áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người, ở mọi thời điểm và trong mọi hoàn cảnh.

#### 2.4. Đặc điểm bất khả xâm phạm của quyền con người

Quyền con người là *những quyền bất khả xâm phạm*. Điều này có nghĩa rằng đã là người thì không thể không có quyền con người, cho dù người đó đối xử tội tệ như thế nào đối với người khác hoặc bị đối xử man rợ như thế nào đi chăng nữa. Quyền con người là *những quyền bẩm sinh, tự nhiên và không thể bị tước đoạt*. Con người với tư cách là các cá nhân trong xã hội (chứ không đơn thuần chỉ là thành viên của một giai cấp hay một nhóm xã hội cụ thể), họ có khả năng tư duy và hành động độc lập và có lý trí, nhờ đó mà có khả năng tự quyết định việc thực hiện quyền của mình, thực hiện điều gì là tốt nhất cho mình mà không xâm phạm đến quyền của người khác. Điều này nói lên rằng mọi người có các quyền bẩm sinh, tự nhiên không thể bị xâm

phạm, không thể bị tước đoạt. Quyền con người là những quyền không thể ban phát, chuyển nhượng. Quyền của mỗi người gắn liền với mỗi người là quyền bẩm sinh, không thể ban phát, chuyển nhượng từ người này sang người khác. Chẳng hạn, không thể ban phát, chuyển nhượng quyền sống của người này cho người khác, không thể chuyển nhượng nhân phẩm, danh dự của người này cho người khác...

#### 2.5. Đặc điểm được thể chế hóa thành pháp luật

Để thực hiện quyền con người ở nghĩa tự nhiên cần phải thể chế hóa quyền đó thành các quyền pháp lý. Với tư cách là một giá trị tư tưởng trừu tượng, một thực tiễn hiện thực, quyền con người được thể chế hóa, được ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ bằng pháp luật và từ đó được thực hiện trong thực tiễn hiện thực ở những phương diện và mức độ khác nhau. Đặc điểm này nói lên *tính pháp quyền* của quyền con người.

Việc thể chế hóa quyền con người thành pháp luật được tiến hành ở *những phương diện khác nhau*. Đó là: thể chế hóa quyền con người thành các quyền pháp lý nội dung (các chuẩn mực pháp lý về các quyền), chẳng hạn như quyền sống, quyền tự do kinh doanh, quyền tự do đi lại...; thể chế hóa quyền con người thành các cơ chế pháp lý để bảo đảm, thực hiện và bảo vệ các quyền con người; thể chế hóa thành pháp luật các hành vi bị coi là những hành vi xâm phạm các quyền con người và trách nhiệm pháp lý đối với việc thực hiện những hành vi xâm phạm quyền con người; thể chế hóa thành pháp luật những vấn đề khác liên quan đến quyền con người.

Việc thể chế hóa quyền con người thành pháp luật được tiến hành ở *những mức độ (phạm vi) khác nhau*. Đó là: ở mức độ quốc tế (toàn thế giới); ở mức độ khu vực (châu lục); ở mức độ từng quốc gia. Ở mức độ quốc tế, các quyền con người được thể chế hóa khái quát nhất, tập trung nhất trong các văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản về quyền con người, chẳng hạn như Tuyên ngôn thế giới về

quyền con người (1948), Công ước quốc tế về Các quyền dân sự, chính trị (1966), Công ước quốc tế về Các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (1966) và các Công ước quốc tế khác về Quyền con người. Ở mức độ khu vực các quyền con người được thể chế hóa khái quát nhất, tập trung nhất trong các văn kiện pháp lý khu vực cơ bản về quyền con người, chẳng hạn như: Hiến chương châu Âu về quyền con người... Ở mức độ từng quốc gia các quyền con người được thể chế hóa khái quát nhất, tập trung nhất trong các văn kiện pháp lý quốc gia cơ bản, chẳng hạn như: Hiến pháp (thành văn và không thành văn), các đạo luật... Có thể gọi các mức độ thể chế hóa quyền con người nói trên là: quốc tế hóa pháp luật về quyền con người, khu vực hóa pháp luật về quyền con người, quốc gia hóa pháp luật về quyền con người.

Quá trình thể chế hóa quyền con người thành pháp luật chịu sự chi phối của một loạt các nhân tố khách quan và chủ quan nhất định, gắn liền với trạng thái phát triển của nhận thức về quyền con người, nhận thức về hiện thực thực tiễn về quyền con người. Các phương diện (lĩnh vực) và các mức độ thể chế hóa nói trên các quyền con người thành pháp luật có mối liên hệ mang tính hệ thống, logic tiếp nối lẫn nhau nhằm tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo đảm, thực hiện và bảo vệ quyền con người trong thực tiễn.

**3. Tính đặc thù của quyền con người**

Quyền con người, ngoài tính phổ biến còn mang tính đặc thù. Tính đặc thù của quyền con người thể hiện ở các đặc điểm sau:

*3.1. Đặc điểm đặc thù về mặt lịch sử cụ thể của quyền con người*

Quyền con người, xét ở phương diện giá trị trừu tượng lẫn ở phương diện giá trị hiện thực, ở phương diện tự nhiên lẫn ở phương diện pháp lý là một trong những hiện tượng xã hội gắn liền với quá trình phát triển của xã hội loài người nói chung, của từng xã hội khu vực, của từng xã hội quốc gia. Quá trình phát triển của xã hội loài người nói chung, của từng xã hội khu vực, của từng xã hội quốc gia, nhìn một cách tổng thể trải

qua các giai đoạn khác nhau theo logic phát triển là đi từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Ở mỗi giai đoạn phát triển có những đặc điểm riêng do các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, đạo đức, truyền thống, lịch sử thế giới, khu vực quốc gia, dân tộc và các điều kiện khác quy định. Chính những đặc điểm riêng đó quy định tính đặc thù khái quát nhất của quyền con người. Điều đó có nghĩa rằng ở *mỗi giai đoạn phát triển*, xét cả ở mức độ toàn thế giới, ở mức độ khu vực, ở mức độ quốc gia, ngoài những đặc điểm phổ biến *quyền con người còn có những biểu hiện đặc thù*. Có thể nói đây là biểu hiện đặc thù của từng giai đoạn phát triển quyền con người. Lịch sử phát triển quyền con người cho thấy rõ điều đó.

Tính lịch sử cụ thể của quyền con người còn thể hiện ở chỗ quyền con người ở mức độ quốc tế, ở mức độ khu vực, ở mức độ từng quốc gia - dân tộc có những thể hiện đặc thù, do các đặc thù của các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, đạo đức, truyền thống ở các mức độ nói trên quy định. Tức là sự thể hiện quyền con người ở từng quốc gia, ở từng khu vực, ở mức độ quốc tế có những đặc điểm đặc thù do những sự khác biệt của các điều kiện nói trên quy định. Có thể coi đây là biểu hiện đặc thù của quyền con người ở cùng một thời điểm ở ba mức độ nói trên.

*3.2. Đặc điểm đặc thù trong thể chế hóa*

Quyền con người có đặc điểm phổ biến là đặc điểm được thể chế hóa thành pháp luật, nhưng việc thể chế hóa quyền con người thành pháp luật ở mỗi giai đoạn phát triển của xã hội loài người (thế giới), của mỗi khu vực, của mỗi quốc gia - dân tộc lại có những đặc thù riêng. Đặc điểm đặc thù đó thể hiện ở các nội dung sau đây:

- Số lượng các quyền con người ở phương diện các quyền pháp lý (quốc tế, khu vực, quốc gia) ở các giai đoạn phát triển khác nhau của thế giới, của từng khu vực, của từng quốc gia - dân tộc là không giống nhau và phát triển theo xu hướng ngày càng

mở rộng các quyền đó, nhưng việc mở rộng lại không giống nhau;

- Các quyền con người cơ bản và các quyền con người không cơ bản (quốc tế, khu vực, quốc gia), xét về số lượng ở các giai đoạn phát triển khác nhau của thế giới, của từng khu vực, của từng quốc gia - dân tộc là không giống nhau và cũng phát triển theo xu hướng ngày càng mở rộng cả hai loại quyền nói trên, nhưng việc mở rộng cũng không giống nhau;

- Mô hình các thiết chế bảo đảm, thúc đẩy, bảo vệ quyền con người (quốc tế, khu vực, quốc gia) ở các giai đoạn phát triển khác nhau của thế giới, của từng khu vực, của từng quốc gia là không như nhau và cũng phát triển theo xu hướng ngày càng mở rộng các thiết chế đó, nhưng việc mở rộng cũng không giống nhau;

- Mức độ, trạng thái, chất lượng, hiệu quả bảo đảm, thúc đẩy, thực hiện và bảo vệ quyền con người (quốc tế, khu vực, quốc gia) ở các giai đoạn phát triển khác nhau của thế giới, của từng khu vực, của từng quốc gia - dân tộc là không như nhau;

- Tình hình vi phạm quyền con người (quốc tế, khu vực, quốc gia) ở các giai đoạn phát triển khác nhau của thế giới, của từng khu vực, của từng quốc gia là khác nhau;

- Tổng số các quyền con người ở phương diện pháp lý, số lượng các quyền con người cơ bản và số lượng các quyền con người không cơ bản, mô hình các thiết chế bảo đảm, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở từng quốc gia, ở từng khu vực là hoàn toàn không giống nhau.

#### **4. Mối quan hệ biện chứng giữa tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người**

Như phân tích trên cho thấy quyền con người có tính phổ biến và tính đặc thù. Tính phổ biến của quyền con người là cái chung, tính đặc thù của quyền con người là cái riêng. Tính phổ biến của quyền con người được hiểu là những đặc tính, đặc điểm, những mặt chung của quyền con người ở mọi lúc, mọi nơi của quyền con người, được lặp lại trong

quyền con người ở phạm vi quốc tế, ở từng khu vực, ở từng quốc gia khác nhau. Tính đặc thù của quyền con người được dùng để chỉ những đặc điểm, những mặt riêng nhất định của quyền con người.

Tính phổ biến và tính đặc thù của quyền con người đều tồn tại khách quan, giữa chúng có mối liên hệ hữu cơ với nhau. Điều đó thể hiện ở chỗ:

Tính phổ biến của quyền con người chỉ tồn tại trong tính đặc thù của quyền con người, thông qua tính đặc thù của quyền con người mà biểu hiện sự tồn tại của mình, nghĩa là không có tính phổ biến thuần túy của quyền con người tồn tại bên ngoài tính đặc thù của quyền con người. Chẳng hạn, không có các quyền con người nói chung tồn tại bên cạnh quyền được sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể...

Tính đặc thù của quyền con người chỉ tồn tại trong mối liên hệ với tính phổ biến của quyền con người. Nghĩa là không có đặc điểm đặc thù nào của quyền con người tồn tại tuyệt đối độc lập, không có liên hệ với tính phổ biến của quyền con người. Ví dụ: mỗi quyền con người là một biểu hiện của tính đặc thù của quyền con người, nhưng mỗi quyền con người không thể tồn tại ngoài mối liên hệ với các quyền con người, bởi vì các quyền con người là các quyền không thể chia cắt, không thể tách biệt một cách cơ học.

Tính đặc thù của quyền con người là những đặc điểm toàn bộ, phong phú hơn các đặc điểm thuộc tính phổ biến của quyền con người, tính phổ biến của quyền con người là những đặc điểm bộ phận, nhưng sâu sắc hơn các đặc điểm thuộc tính đặc thù của quyền con người. Tính đặc thù phong phú hơn tính phổ biến vì ngoài những đặc điểm chung, tính đặc thù của quyền con người còn có những đặc điểm đặc thù riêng. Chẳng hạn, ở mỗi nước đều phải có mô hình bộ máy bảo đảm, thực thi, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, nhưng ở mỗi nước mô hình đó ngoài những đặc điểm chung, còn có những đặc điểm đặc thù riêng. Tính phổ biến của quyền con người sâu sắc hơn tính đặc thù của

quyền con người vì tính phổ biến của quyền con người phản ánh những đặc điểm, những thuộc tính, những mối liên hệ ổn định, tất nhiên, lặp lại ở nhiều đặc điểm, thuộc tính đặc thù của quyền con người. Do vậy, tính phổ biến của quyền con người là những đặc điểm, những đặc tính gắn liền với bản chất, quy định phương hướng tồn tại và phát triển của các đặc điểm thuộc tính đặc thù của quyền con người.

Vì tính phổ biến của quyền con người chỉ tồn tại trong tính đặc thù của quyền con người, thông qua tính đặc thù để biểu thị sự tồn tại của mình, nên chỉ có thể tìm tính phổ biến của quyền con người trong tính đặc thù của quyền con người, xuất phát từ tính đặc thù của quyền con người. Ví dụ: muốn nhận thức được quy luật phát triển của quyền con người ở mức độ toàn thế giới, phải nghiên cứu, phân tích, so sánh quá trình phát triển thực tế quyền con người ở những thời điểm

khác nhau và ở những khu vực khác nhau, ở những quốc gia khác nhau mới tìm ra được những mối liên hệ chung tất nhiên, ổn định của sự phát triển quyền con người.

Tính phổ biến của quyền con người là những đặc điểm, đặc tính sâu sắc, bản chất chi phối tính đặc thù của quyền con người, nên nhận thức về quyền con người phải nhằm tìm ra tính phổ biến và trong hoạt động thực tiễn về quyền con người phải dựa vào tính phổ biến của quyền con người để điều chỉnh tính đặc thù của quyền con người. Chính vì vậy khi nghiên cứu quyền con người trước hết đòi hỏi phải nghiên cứu những vấn đề chung về quyền con người. Mặt khác, tính phổ biến của quyền con người lại biểu hiện thông qua tính đặc thù của quyền con người, nên khi áp dụng tính phổ biến của quyền con người phải căn cứ vào tình hình cụ thể của từng thời kỳ lịch sử ở mỗi nước để vận dụng cho thích hợp.

*(Tiếp theo trang 50 – Về các yếu tố phát sinh...)*

chủ hoá, năng lực và hiệu quả hoạt động nhà nước ngày càng được nâng cao thì trách nhiệm bồi thường nhà nước ở các nước cũng ngày càng được mở rộng hơn.

- Trách nhiệm bồi thường nhà nước là loại trách nhiệm pháp lí đặc thù vừa mang yếu tố của trách nhiệm dân sự vừa mang yếu tố hành chính nhà nước (công quyền), do vậy cần được điều chỉnh độc lập nhưng cũng phải đảm bảo tính thống nhất với trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong pháp luật dân sự và các loại trách nhiệm pháp lí khác. Đồng thời cũng cần phân định rõ trách nhiệm bồi thường nhà nước với việc đền bù khi Nhà nước thực hiện một số chính sách nhất định hay đền bù trong tố tụng hình sự.

- Tuy lí luận và thực tiễn pháp luật các nước trên thế giới còn nhiều điểm cũng như giải pháp khác nhau khi tiếp cận hay quy định các vấn đề cụ thể cũng như các yếu tố phát sinh trách nhiệm bồi thường nhà nước, nhưng

điểm chung nhất đó là, đều hướng tới mục tiêu là tạo ra và ngày càng cải thiện cơ chế pháp luật nhằm bảo vệ có hiệu quả các quyền, lợi ích chính đáng của con người, chống các biểu hiện vô trách nhiệm hay lạm dụng quyền lực, lạm dụng công vụ làm thiệt hại cho người dân, đồng thời cũng thông qua đó nâng cao trách nhiệm, đạo đức và bản lĩnh của người thi hành công vụ, đảm bảo uy tín của công quyền trước con người và đời sống xã hội.

- Chủ trương xây dựng Luật Bồi thường nhà nước ở Việt Nam hiện nay là đúng đắn nhưng để Luật có sức sống thực thụ chắc chắn chúng ta sẽ còn phải xem xét, đánh giá dự kiến tác động xã hội một cách khoa học, tiếp thu ý kiến phản biện xã hội từ nhiều góc độ khác nhau... Những phân tích trong bài viết này với vài thiên ý của tác giả về lí luận và thực tiễn như trên rất mong được sự phản hồi của bạn đọc.